

MÔN GDCD. KHỐI 6

TUẦN 26, 27: TỪ NGÀY 18/3 ĐẾN NGÀY 30/3/2024

BÀI 9: Công dân nước CHXHCN Việt Nam (2 tiết)

A. NHIỆM VỤ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:

I. Khởi động GDCD 6 trang 34

? Em hãy quan sát các bạn dưới đây và đoán xem bạn nào là công dân Việt Nam, bạn nào không phải là công dân Việt Nam? Vì sao?



Trả lời:

Từ hình ảnh trên em nhận thấy:

- Công dân Việt Nam là cá bạn: Hoa, Sùng Nhi, Nam
- Không phải công dân Việt Nam: Peter, Anna, Jim

II. Khám phá GDCD 6 trang 35, 36, 37

? Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Thông tin 1:

1. Công dân là cá nhân, con người cụ thể, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật của một quốc gia.

2. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam (trích Khoản 1 Điều 17 Hiến pháp năm 2013).

Thông tin 2:

1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mỗi cá nhân đều có quyền có quốc tịch (trích Khoản 1 Điều 2 Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam (trích Khoản 1 Điều 2 Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Một số căn cứ để xác định người có quốc tịch Việt Nam:

- Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra đều có cha mẹ đều là công dân Việt Nam

- Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra đều có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch.

- Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra đều có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai.

- Trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con.

- Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con.

- Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra cha mẹ đều là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam

- Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi tại Việt Nam

- Trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam.

(Trích Điều 15, 16, 17 Luật Quốc tịch năm 2008)

1. Căn cứ nào để xác định một người là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

2. Căn cứ nào để xác định một người có quốc tịch Việt Nam?

Trả lời:

1. Căn cứ nào để xác định một người nào là công dân nước Cộng hòa xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam: Người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam (trích Khoản 1 Điều 2 Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Căn cứ để xác định một người có quốc tịch Việt Nam:

- Cha, mẹ là công dân Việt Nam, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.
- Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.
- Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân nước ngoài, nếu cha mẹ có sự thỏa thuận bằng văn bản về việc chọn quốc tịch Việt Nam vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con.
- Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con.
- Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.
- Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai.
- Người được nhập quốc tịch Việt Nam.
- Người được trở lại quốc tịch Việt Nam.
- Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi và trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai.
- Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam.
- Trẻ em là người nước ngoài được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi thì có quốc tịch Việt Nam, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận việc nuôi con nuôi.
- Người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

? Em hãy quan sát hình ảnh sau để xác định thông tin trong giấy tờ nào cho biết đó là Công dân nước CHXHCN Việt Nam.



Trả lời

Các thông tin trong giấy tờ cho biết đó là công dân nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

- Giấy khai sinh
- Giấy CMND
- Căn cước công dân

? Tìm hiểu các Điều 15, 16, 17, 18, 35 và 37 của Luật Quốc tịch 008, sửa đổi, bổ sung 2014 và xác định các điều kiện để có quốc tịch Việt Nam của các bạn dưới đây:



Sùng Nhi có bố mẹ đều là người dân tộc H'mông. Sùng Nhi được sinh ra và lớn lên ở Việt Nam.



Peter được sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Bố mẹ bạn là người không quốc tịch nhưng thường trú tại Việt Nam.



Hoa rất thông minh và xinh xắn nhưng lại có tuổi thơ kém may mắn hơn các bạn nhỏ khác. Khi sinh ra bạn bị bỏ rơi ở Việt Nam và không rõ bố mẹ mình là ai. Hiện nay, Hoa là thành viên của làng trẻ em SOS.



Jim là người nước ngoài, được bố mẹ là người Việt Nam nhận làm con nuôi. Jim nói tiếng Việt rất giỏi và hiện đang sinh sống cùng bố mẹ nuôi tại Việt Nam.



Nam có bố mang quốc tịch Anh, mẹ có quốc tịch Việt Nam. Nam sinh ra và lớn lên ở Hà Nội nên đã lựa chọn theo quốc tịch của mẹ.



Bố mẹ Anna đều là người gốc Mỹ nhưng sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ lâu. Họ đã nhập quốc tịch Việt Nam và cả gia đình Anna hiện đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lời:

Từ các điều 15, 16, 17, 18, 35 và 37 của luật Quốc tịch 2008, sửa đổi, bổ sung 2014 và các điều kiện để có quốc tịch Việt Nam:

1. Cha, mẹ là công dân Việt Nam, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.
2. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.
3. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân nước ngoài, nếu cha mẹ có sự thỏa thuận bằng văn bản về việc chọn quốc tịch Việt Nam vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con.
4. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con.
5. Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.

6. Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai.
7. Người được nhập quốc tịch Việt Nam.
8. Người được trở lại quốc tịch Việt Nam.
9. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi và trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai.
10. Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC (HS ghi vào vở)

BÀI 9: Công dân nước CHXHCN Việt Nam (2 tiết)

I. KHỞI ĐỘNG

II. KHÁM PHÁ:

1. Khái niệm:

- Công dân là một cá nhân hoặc một con người cụ thể mang quốc tịch của một quốc gia có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
- Quốc tịch là căn cứ xác định công dân của một nước. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Công dân Việt Nam có quyền và nghĩa vụ đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo vệ và bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

III. LUYỆN TẬP: Tự giải quyết các tình huống trong sgk

IV. VẬN DỤNG:

Vận dụng 1

Em hãy viết khoảng 100 từ về chủ đề: Tôi là công dân nước CHXHCN Việt Nam.

Vận dụng 2

*“Có nơi đâu đẹp tuyệt vời
Như sông, như núi, như người Việt Nam”*

(Lê Anh Xuân)

Câu thơ trên thể hiện sự tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam.
Là học sinh, em cần làm gì để trở thành một công dân có ích?

**Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:
Cô Nguyễn Thị Dung . SĐT: 0976208153**